CÁC BIỆN PHÁP PHÁP LÝ NHẰM HẠN CHẾ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

*(TỪ THỰC TIỄN NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG)*

(Phần 11)

**2.4.3 Nguyên nhân khác**

**2.4.3.1 Nguyên nhân do cơ chế, chính sách nhà nước**

Chính sách cho vay theo chỉ định của nhà nước cũng là một trong những nguyên nhân gây ra rủi ro cho ngân hàng. Mặc dù đã có ngân hàng chính sách xã hội nhưng SCB Đà Nẵng vẫn phải thực hiện việc hỗ trợ lãi suất, cho vay vốn khôi phục phát triển sản xuất, chăn nuôi gia cầm...

*Trường hợp điển hình:*

Việc tăng thuế xuất nhập khẩu một số mặt hàng cũng làm khó khăn cho các doanh nghiệp. Vì trước đó, SCB Đà Nẵng đã mở L/C bảo lãnh nhập khẩu hoặc cho vay vốn sản xuất hàng xuất khẩu. Do thuế tăng, việc kinh doanh của doanh nghiệp bị thua lỗ, dẫn đến khách hàng không trả được nợ vay, vì vậy ngân hàng cũng bị rủi ro theo. Chính sách quy định về đất đai, nhà ở thay đổi cũng có thể làm đóng băng thị trường bất động sản, kéo theo khách hàng không trả được nợ vay khi đến hạn, làm cho tỷ lệ nợ quá hạn tại SCB Đà Nẵng tăng lên. Ngoài ra, giá xăng dầu và giá điện là hai mặt hàng rất thiết yếu đối với các doanh nghiệp kinh doanh, làm ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp mà do nhà nước điều chỉnh, tác động đến. Cụ thể như sau:

Điều chỉnh giá xăng dầu: Bắt đầu từ ngày 01.5.2007, Nghị định số 55/2007/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu bắt đầu có hiệu lực thi hành. Theo đó, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu được tự quyết định giá bán xăng theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Điều chỉnh giá điện: Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 276 phê duyệt lộ trình điều chỉnh giá điện giai đoạn 2007-2010. Theo đó, từ ngày 01.01.2007, giá bán lẻ điện bình quân là 842 đồng/kwh. Từ ngày 01.7.2008, giá bán lẻ điện bình quân là 890 đồng/kwh. Giá điện là chi phí đầu vào của hầu hết các ngành hàng công nghiệp...

**2.4.3.2 Văn bản luật**

Hoạt động tín dụng của SCB Đà Nẵng trong thời gian qua chịu ảnh hưởng không chỉ từ việc hệ thống luật và các văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động ngân hàng có sự chồng chéo, không rõ ràng, không hợp lý, thiếu tính chặt chẽ. Ảnh hưởng rõ nét nhất là từ việc các chính sách về xuất nhập khẩu, các quy định về vấn đề an ninh lương thực được Chính Phủ ban hành, thay đổi khá đột ngột.

*Trường hợp điển hình:*

Như trong thời gian vừa qua, khi Chính Phủ ban hành các văn bản về tăng thuế xuất nhập khẩu một số mặt hàng mà trước đó SCB Đà Nẵng đã mở L/C bảo lãnh nhập khẩu hoặc cho vay vốn sản xuất hàng xuất khẩu, do thuế tăng nên việc kinh doanh của một số khách hàng bị thua lỗ, từ đó dẫn đến việc khách hàng chậm trả nợ hoặc không trả được nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra, trong những năm gần đây, Quốc hội, Ủy ban thường vụ quốc hội, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan đã ban hành nhiều luật, văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành luật liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, luật và các văn bản đã có song việc triển khai vào hoạt động ngân hàng thì lại hết sức chậm chạp và còn gặp phải nhiều vướng mắc bất cập như một số văn bản về việc cưỡng chế thu hồi nợ. Những văn bản này đều có quy định *“Trong những hợp khách hàng không trả được nợ, NHTM có quyền xử lý tài sản đảm bảo nợ vay”*. Trên thực tế, SCB Đà Nẵng không làm được điều này vì SCB Đà Nẵng là một tổ chức kinh tế, không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không có chức năng cưỡng chế buộc khách hàng bàn giao tài sản bảo đảm cho ngân hàng để xử lý hoặc việc chuyển tài sản bảo đảm nợ vay để Tòa án xử lý qua con đường tố tụng…

Cũng có trường hợp theo quyết định của Tòa án, bản án đã có hiệu lực nhưng cơ quan thi hành án không chịu thi hành án hay kéo dài thời hạn thi hành án hoặc trì hoãn thi hành với nhiều lý do khác nhau, làm khó khăn trong việc thu hồi vốn SCB Đà Nẵng. Tại SCB, bộ phận xử lý nợ hiện đang thụ lý nhiều hồ sơ nợ quá hạn cần xử lý, phát mãi tài sản bảo đảm nhưng tiến độ thực hiện đang gặp rất nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian, công sức...

Trường hợp khác, khách hàng vay vốn tại nhiều tổ chức tín dụng dưới một danh nghĩa hay nhiều thực thể khác nhau nên thiếu sự phân tích trên tổng thể, khó theo dõi được dòng tiền dẫn đến việc sử dụng vốn vay chồng chéo và mất khả năng thanh toán dây chuyền. Bởi vì, pháp luật Việt Nam không cấm đoán việc một khách hàng có quyền vay vốn tại nhiều ngân hàng và một tài sản có thể đảm bảo cho nhiều nghĩa vụ tại nhiều ngân hàng khác nhau và không bắt buộc mọi ngân hàng phải khai báo thông tin về khách hàng vay vốn tại Trung Tâm thông tin tín dụng CIC của Ngân hàng nhà nước. Do đó, các ngân hàng khó có thể biết được tình hình công nợ của khách hàng mình tại các ngân hàng, tổ chức tài chính khác.

Nhìn chung, khi một chính sách bị thay đổi đột ngột sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến kế hoạch, cũng như khả năng dự báo sức tiêu thụ trên thị trường của các doanh nghiệp. Việc định hướng chiến lược sản xuất, kinh doanh không phù hợp, không chính xác sẽ dẫn đến sản xuất cung vượt cầu, hàng hóa khó tiêu thụ, giá bán hạ, thua lỗ, doanh nghiệp sẽ không đảm bảo nguồn tiền trả nợ, khi đó rủi ro xảy ra đối với ngân hàng là điều khó tránh khỏi.

**Kết luận Chương 2**

Trong chương này, tác giả tập trung phân tích thực trạng công tác quản lý rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Chi nhánh Đà Nẵng thời gian qua. Trước hết, tác giả đã tìm hiểu sơ lược về cơ cấu tổ chức và tình hình hoạt động tín dụng của SCB Đà Nẵng.Sau đó, tác giả đi sâu, chi tiết về thực trạng công tác quản lý rủi ro trong hoạt động tín dụng tại SCB Đà Nẵng thời gian qua như về quy trình cho vay, nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro. Từ đó, tác giả tìm ra những tồn tại, những nguyên nhân xảy ra rủi ro tín dụng tại SCB Đà Nẵng và đặc biệt tác giả đưa ra được các ví dụ, trường hợp điển hình cụ thể chứng minh để làm tiền đề cho các biện pháp pháp lý quản lý hạn chế rủi ro tín dụng tại SCB Đà Nẵng trong thời gian đến.